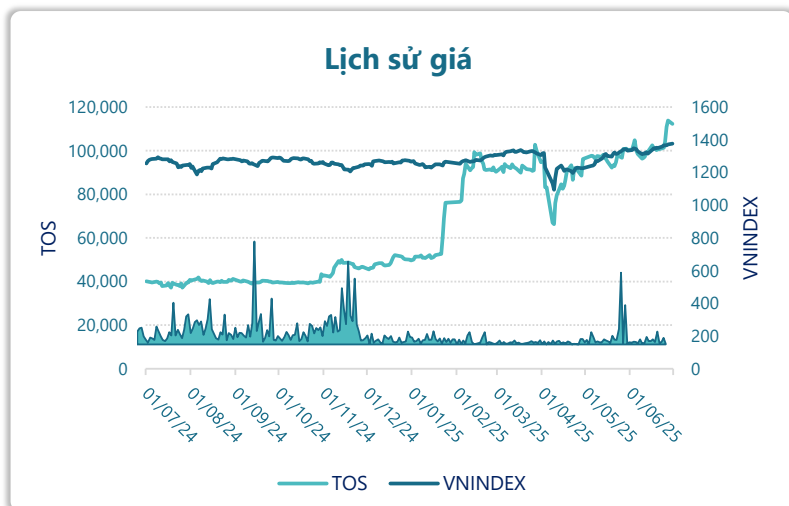


CTCP Dịch vụ biển Tân Cảng (UPCOM: TOS)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	166,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	113,821
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	37,196
SL cổ phiếu LH	30,999,886
KLGD BQ 20 phiên (CP)	45,395
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,146
P/E	7.1
EPS	23,530

DT thuần

Q2/25

1,314

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 433 | 49.1%

YoY: ▲ 597 | 83.2%

LN sau thuế

Q2/25

223

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.00 | 4.3%

YoY: ▲ 134 | 149%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

23.5%

+/- YoY: ▲ 4.6%

DT thuần

6T 2025

2,195

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 969 | 79.1%

LN sau thuế

6T 2025

437

tỷ VNĐ

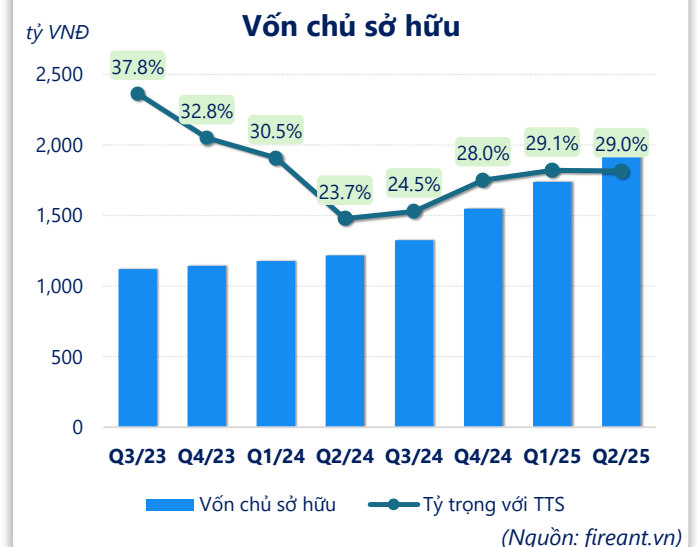
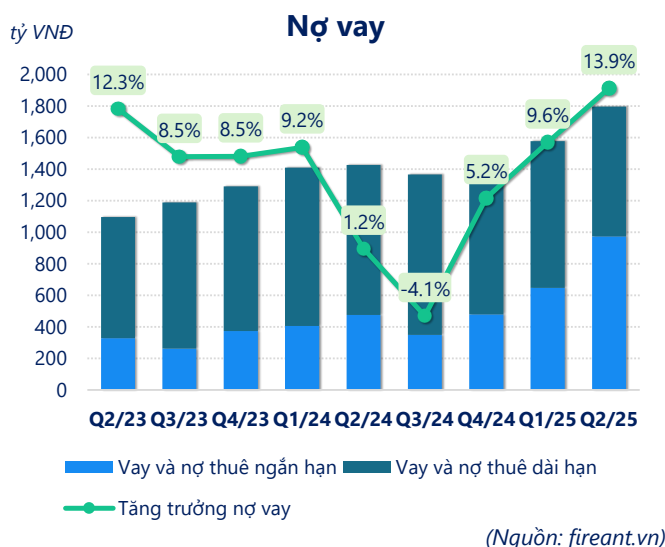
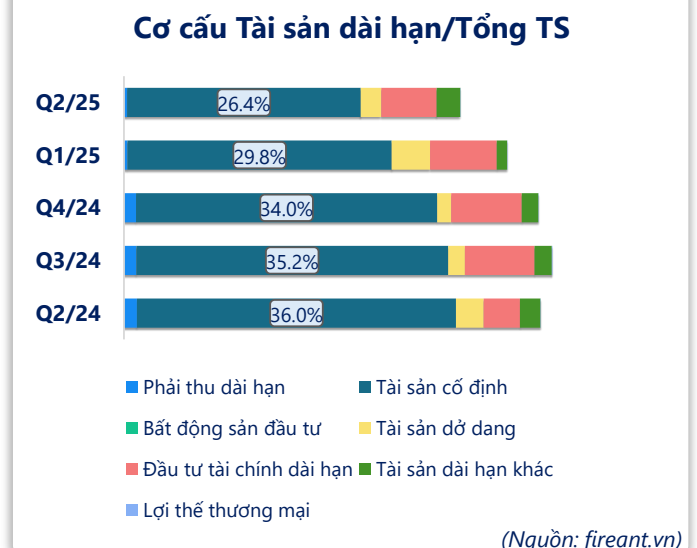
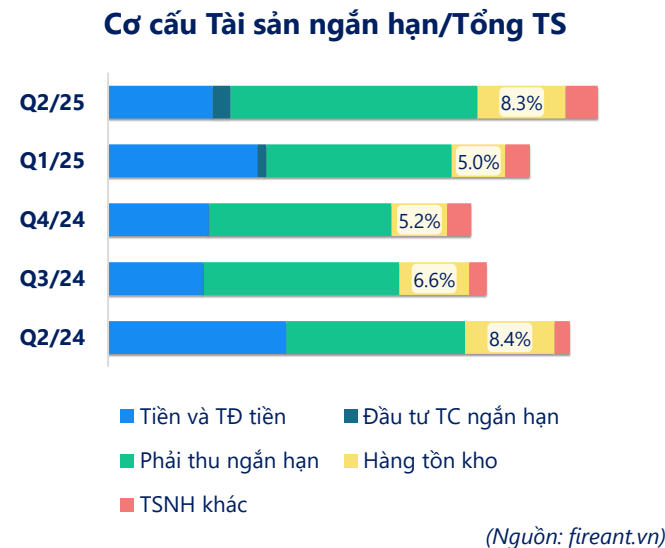
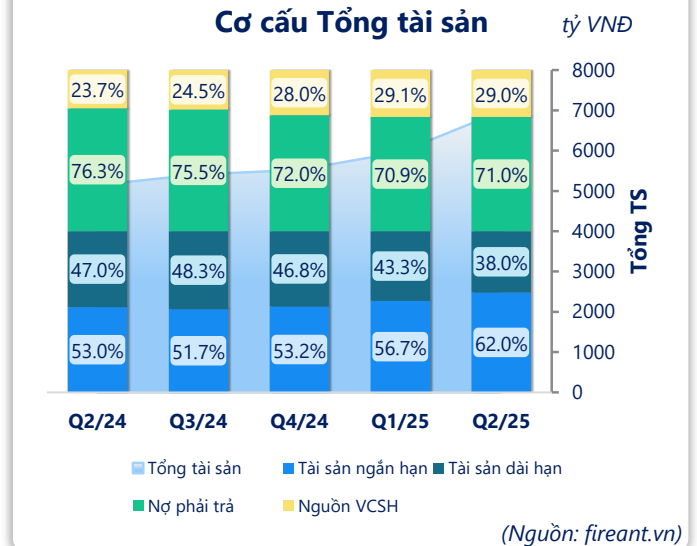
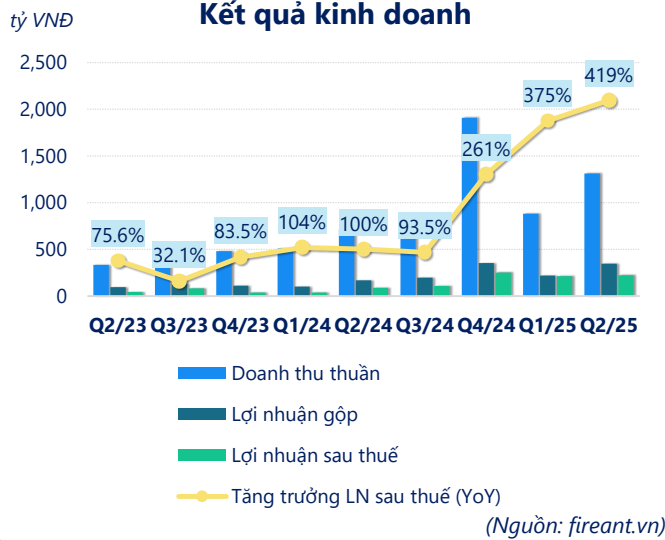
YoY: ▲ 308 | 240%

ROE

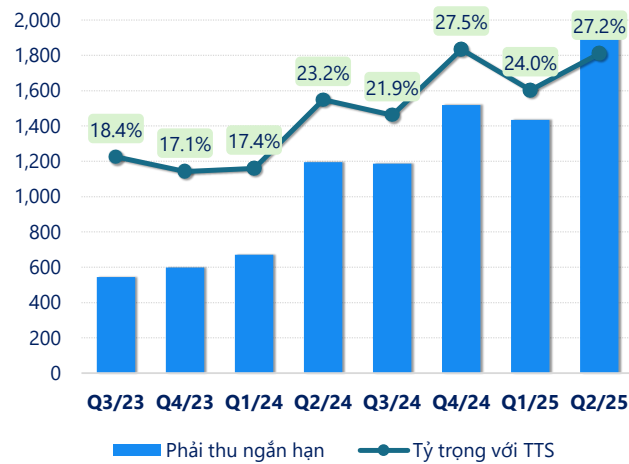
Q2/25

45.0%

+/- YoY: ▲ 24.6%

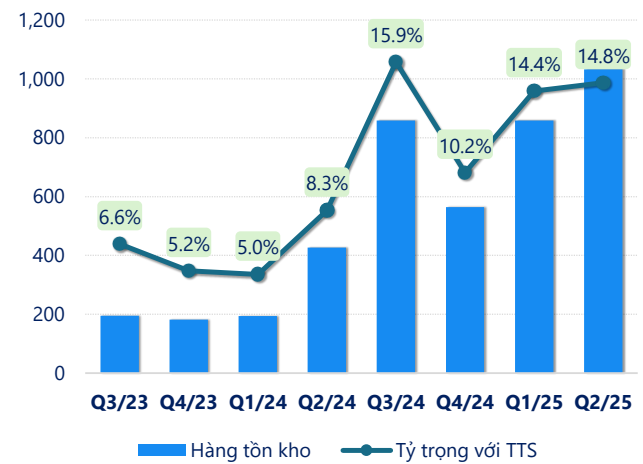


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


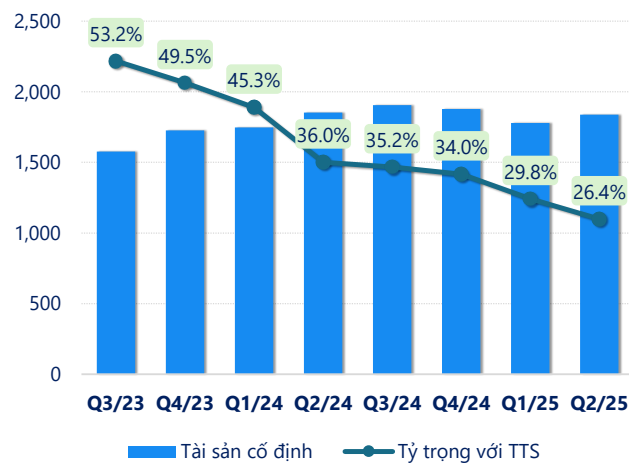
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


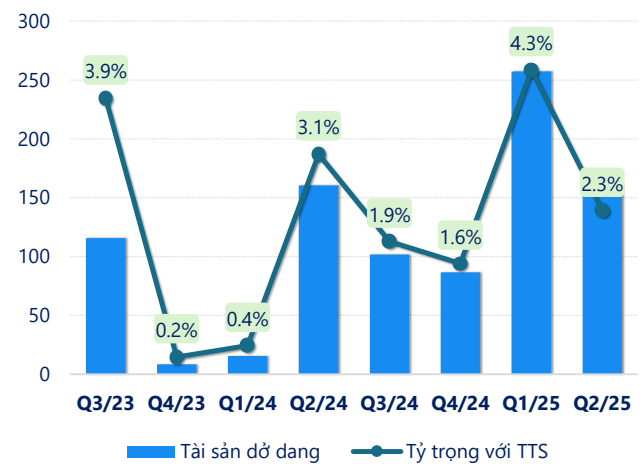
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

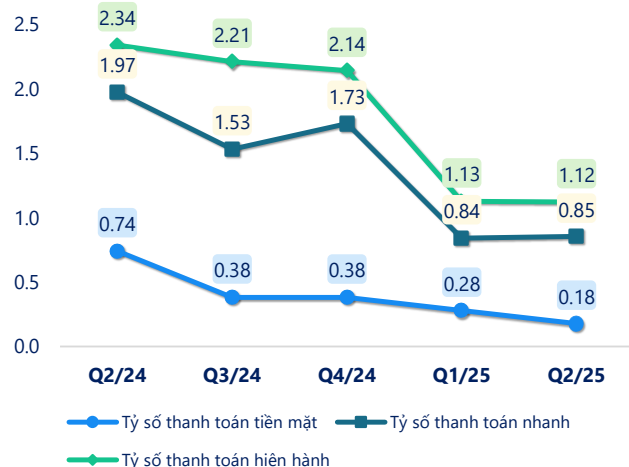
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

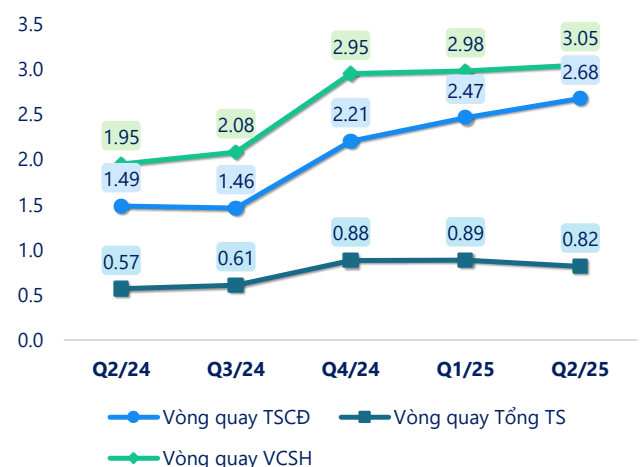
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	5,145	5,412	5,523	5,966	6,975
Tài sản ngắn hạn	2,725	2,796	2,938	3,384	4,326
Tiền và tương đương tiền	863	483	523	838	687
Đầu tư tài chính ngắn hạn	86.3	86.3	165	95.5	476
Phải thu ngắn hạn	1,195	1,187	1,519	1,435	1,894
Hàng tồn kho	427	858	565	858	1,032
Tài sản ngắn hạn khác	154	182	166	158	237
Tài sản dài hạn	2,420	2,615	2,585	2,582	2,649
Phải thu dài hạn	75.0	74.9	74.9	24.2	24.4
Tài sản cố định	1,853	1,905	1,877	1,779	1,839
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	160	102	86.6	257	162
Đầu tư tài chính dài hạn	210	426	440	449	437
Tài sản dài hạn khác	119	106	104	71.6	185
Lợi thế thương mại	2.14	2.08	2.08	1.95	1.89
Nợ phải trả	3,928	4,087	3,975	4,229	4,949
Nợ ngắn hạn	1,165	1,265	1,372	3,003	3,857
Vay và nợ thuê ngắn hạn	475	349	479	646	974
Phải trả người bán ngắn hạn	307	390	440	416	666
Nợ dài hạn	2,763	2,822	2,603	1,226	1,091
Vay và nợ thuê dài hạn	951	1,017	959	930	822
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,217	1,325	1,548	1,738	2,026
Vốn chủ sở hữu	1,217	1,325	1,548	1,738	2,026
Vốn điều lệ	310	310	310	310	310
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)